

trợ cho các địa phương nhận bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương theo mức hỗ trợ cho các đơn vị hành chính đô thị nêu trên.

đ) Đối với nhiệm vụ chi quản lý, bảo trì đường bộ từ nguồn thu phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện ô tô, căn cứ dự toán thu, Bộ Xây dựng xây dựng tiêu chí, định mức phân bổ và phương án phân bổ dự toán chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho từng địa phương để gửi Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo Chính phủ trình Quốc hội xem xét, quyết định trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm;

e) Đối với kinh phí hỗ trợ công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông từ một phần số thu từ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đường thủy nội địa, Bộ Tài chính căn cứ số thực nộp của năm trước liền kề, phối hợp với Bộ Công an để tổng hợp, báo cáo Chính phủ trình Quốc hội xem xét, quyết định trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm

g) Đối với nguồn kinh phí được phân bổ từ Quỹ bảo vệ và phát triển rừng để thực hiện chi trả cho cung ứng dịch vụ môi trường rừng, thực hiện theo quy định của Luật Lâm nghiệp và Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp gửi Bộ Tài chính để tổng hợp báo cáo Chính phủ trình Quốc hội theo quy định.

Điều 18. Định mức phân bổ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường

Phân bổ trên cơ sở tổng dự toán chi sự nghiệp môi trường của ngân sách nhà nước, trong đó ngân sách trung ương 10%, ngân sách địa phương 90%. Chi sự nghiệp môi trường của ngân sách địa phương được phân bổ theo các tiêu chí sau:

1. Dành 40% phân bổ theo số dân số đô thị và mật độ dân số, cụ thể:

- Đối với dân số đô thị đặc biệt hệ số 20; đối với đô thị loại I hệ số 7; đối với dân số đô thị loại II đến loại IV hệ số 2; vùng khác còn lại hệ số 1;

- Về hệ số theo mật độ dân số: trên 2.000 người/km² hệ số 15; trên 1.000 - 2.000 người/km² hệ số 6; trên 750 - 1.000 người/km² hệ số 2,5; trên 500 - 750 người/km² hệ số 1,8; từ 500 người/km² trở xuống hệ số 1.

2. Dành 35% phân bổ cho yếu tố tác động môi trường của sản xuất công nghiệp theo giá trị GDP ngành công nghiệp và xây dựng trên địa bàn từng địa phương theo công thức:

$$\text{Chi sự nghiệp môi trường (tỉnh A)} = \text{Tổng chi sự nghiệp môi trường ngân sách địa phương} \times 35\% \times \frac{\text{Giá trị GDP ngành công nghiệp và xây dựng trên địa bàn tỉnh A}}{\text{Giá trị GDP ngành công nghiệp và xây dựng toàn quốc}}$$

(Trong đó giá trị GDP ngành công nghiệp và xây dựng của tỉnh A được xác định theo số liệu thực hiện năm 2024 do Bộ Tài chính cung cấp)

3. Dành 25% phân bổ cho yếu tố tác động từ rừng tự nhiên bảo đảm môi trường thiên nhiên theo diện tích rừng tự nhiên trên địa bàn từng địa phương theo công thức:

$$\text{Chi sự nghiệp môi trường (tỉnh A)} = \text{Tổng chi sự nghiệp môi trường ngân sách địa phương} \times 25\% \times \frac{\text{Diện tích rừng tự nhiên của địa phương (ha)}}{\text{Tổng diện tích rừng tự nhiên toàn quốc (ha)}}$$

(Trong đó diện tích rừng tự nhiên của tỉnh A được xác định theo số liệu thực hiện năm 2024 do Bộ Nông nghiệp và Môi trường cung cấp).

Điều 19. Mức phân bổ chi khác của ngân sách địa phương

Phân bổ theo tỷ trọng bằng 0,5% tổng các khoản chi thường xuyên đã tính được theo định mức phân bổ (từ Điều 6 đến Điều 18 Mục 2 Chương II).

Điều 20. Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khó khăn hoặc có dân số thấp

1. Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khó khăn hoặc có dân số thấp, được phân bổ thêm theo tỷ lệ phần trăm (%) số chi tính theo định mức dân số như sau:

- a) Các địa phương thuộc khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, Tây Nguyên được phân bổ thêm 15%;
- b) Các địa phương có dân số dưới 550 nghìn dân được phân bổ thêm 20%;
- c) Các địa phương có dân số từ 550 nghìn dân đến dưới 700 nghìn dân được phân bổ thêm 18%;
- d) Các địa phương có dân số từ 700 - 1.000 nghìn dân được phân bổ thêm 16%.

2. Trường hợp địa phương đáp ứng từ hai tiêu chí trở lên, chỉ được phân bổ theo tiêu chí hỗ trợ cao nhất.

Điều 21. Đối với các thành phố trực thuộc trung ương, các địa phương có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương và tỉnh Ninh Thuận

Các thành phố trực thuộc trung ương, các tỉnh có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương và tỉnh Ninh Thuận được phân bổ thêm theo tỷ lệ phần trăm (%) số chi tính theo định mức dân số như sau:

1. Thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh được phân bổ thêm 80%;
2. Các thành phố Hải Phòng, Huế, Đà Nẵng, Cần Thơ được phân bổ thêm 70%;
3. Các tỉnh còn lại có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương từ 40% trở lên được phân bổ thêm 60%; các địa phương có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương từ 15% đến dưới 40% được phân bổ thêm 50%; các địa phương có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương còn lại và tỉnh Ninh Thuận được phân bổ thêm 40%.

Điều 22. Dự phòng ngân sách

1. Dự phòng ngân sách địa phương của từng địa phương là 2% tổng chi cân đối ngân sách địa phương (không bao gồm bội chi ngân sách địa phương và số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương).
2. Trên cơ sở dự toán chi cân đối ngân sách địa phương, căn cứ tình hình thực tế, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ động bố trí dự phòng ngân sách địa phương đảm bảo theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

Điều 23. Đối với các năm trong giai đoạn 2026-2030

Giao Bộ Tài chính trình Chính phủ trình Quốc hội hỗ trợ cho các địa phương theo khả năng cân đối của ngân sách trung ương trong trường hợp phát sinh nhiệm vụ đặc biệt về an ninh, quốc phòng và các nhiệm vụ cần thiết khác.

Điều 24. Nguyên tắc hỗ trợ từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương để thực hiện các chính sách an sinh xã hội do trung ương ban hành.

1. Các chế độ, chính sách an sinh xã hội do trung ương ban hành đã tính trong định mức phân bổ năm 2026 (các năm sau, trung ương không ban hành chính sách làm thay đổi đối tượng, mức hỗ trợ): Các địa phương chủ động sử dụng dự toán chi ngân sách địa phương hàng năm để thực hiện, ngân sách trung ương không hỗ trợ ngân sách địa phương phần kinh phí phát sinh tăng thêm (nếu có).
2. Các chế độ, chính sách an sinh xã hội do trung ương ban hành đã tính trong định mức phân bổ năm 2026 (các năm sau, trường hợp Trung ương ban hành chính sách làm thay đổi đối tượng, mức hỗ trợ) và các chính sách do trung ương ban hành mới chưa tính trong định mức phân bổ năm 2026:

Căn cứ đối tượng thực hiện, mức hỗ trợ theo quy định do địa phương báo cáo, xác định đủ nhu cầu kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ tăng thêm so với mức đã tính trong định mức phân bổ năm 2026. Ngân sách trung ương hỗ trợ

ngân sách địa phương phần kinh phí tăng thêm theo nguyên tắc quy định tại khoản 19 Điều 5 Nghị quyết số /2025/UBTVQH15 ngày ... tháng ... năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

3. Các chế độ, chính sách an sinh xã hội do trung ương ban hành đã tính trong định mức phân bổ năm 2026 (chỉ thay đổi mức hỗ trợ khi Nhà nước điều chỉnh tiền lương cơ sở): Căn cứ đối tượng đã tính dự toán năm 2026, mức hỗ trợ theo chế độ quy định, xác định số hỗ trợ từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương theo tỷ lệ hỗ trợ quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Giao Bộ Tài chính tổng hợp nhu cầu kinh phí ngân sách trung ương hỗ trợ tại khoản 2, 3 Điều này trình cấp có thẩm quyền hỗ trợ cho các địa phương.

THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính



Handwritten text, possibly a signature or date, located in the upper right corner of the page.





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO

**Đánh giá tác động dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội
về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên
ngân sách nhà nước năm 2026**

(Phục vụ công tác thẩm định của Bộ Tư pháp)

Bộ Tài chính báo cáo đánh giá tác động dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2026 như sau:

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẬP TỔNG QUAN:

1. Bối cảnh xây dựng Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2026:

Một là, thực hiện Luật NSNN số 83/2015/QH13, Nghị quyết số 974/2020/UBTVHQ ngày 13/7/2020 của UBTVQH sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 343/2017/UBTVQH14 ngày 19/01/2017 quy định về lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm quốc gia, kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm quốc gia, dự toán NSNN, phương án phân bổ NSTW và phê chuẩn quyết toán NSNN hằng năm; Văn bản số 1086/UBTVQH15 ngày 26/11/2024 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về lùi thời hạn xây dựng định mức chi thường xuyên 2026¹ và các văn bản hướng dẫn, giao Bộ Tài chính xây dựng trình Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi thường xuyên NSNN năm 2026, trên cơ sở đó trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2026 làm căn cứ để xây dựng dự toán, phân bổ ngân sách cho các Bộ, địa phương thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2026 - 2030, tăng cường hiệu quả quản lý, nâng cao tính minh bạch trong phân bổ, sử dụng nguồn vốn chi thường xuyên NSNN.

Hai là, thực hiện chủ trương cơ cấu lại thu - chi NSNN và nợ công theo Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số

¹ Thống nhất về việc lùi thời gian xây dựng nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2026 như đề nghị của Chính phủ.

51/NQ-CP ngày 19/6/2017 của Chính phủ; sắp xếp bộ máy quản lý hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, sắp xếp lại các đơn vị hành chính cấp huyện, xã, tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW, thực hiện đề án CCTL theo Nghị quyết số 27-NQ/TW cần thiết có những điều chỉnh trong việc phân bổ nguồn lực NSNN, trong đó có chi thường xuyên cho các bộ, cơ quan Trung ương và địa phương

Ba là, trong quá trình thực hiện, các căn cứ, tiêu chí tính định mức phân bổ chi thường xuyên năm 2022 được áp dụng cho năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách 2022 - 2025 cũng có những điểm không còn phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn 2026 – 2030; cụ thể:

- Định mức chi quản lý hành chính theo biên chế của các cơ quan trung ương không được điều chỉnh trong giai đoạn 2022 - 2025, dẫn đến khó khăn cho các Bộ trong cân đối nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Một số chủ trương, chính sách lớn (như: chính sách tiền lương, tiền thưởng; chính sách bảo trợ xã hội; cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công;...) đã được sửa đổi, bổ sung các năm qua nên định mức phân bổ chi ngân sách cần phải điều chỉnh tăng hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

- Trong thời kỳ ổn định ngân sách phát sinh một số chế độ, chính sách mới do Trung ương ban hành nhưng yêu cầu địa phương đảm bảo một phần hoặc toàn bộ, dẫn đến khó khăn trong việc cân đối nguồn lực thực hiện nhiệm vụ.

2. Mục tiêu xây dựng Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2026:

Việc ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi thường xuyên NSNN năm 2026, cùng với định mức chi đầu tư phát triển nguồn vốn NSNN là cơ sở để Chính phủ trình Quốc hội dự toán NSNN và phương án phân bổ NSTW năm 2026, năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách mới, đồng thời, làm cơ sở để xác định tỷ lệ % phân chia các khoản thu giữa NSTW và ngân sách địa phương (NSDP) và số bổ sung cân đối từ NSTW cho NSDP (nếu có); căn cứ Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, tình hình thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân (UBND) các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên của NSDP năm 2026 trình Hội đồng nhân dân quyết định, làm cơ sở cho việc xây dựng dự toán chi NSDP.

II. CÁC NHÓM CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐỀ XUẤT:

Để thực hiện các mục tiêu nêu trên, việc xây dựng Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2022 gồm:

1. Các cơ chế, chính sách đề xuất đối với nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi thường xuyên NSNN các Bộ, cơ quan Trung ương:

Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi thường xuyên năm 2026 của các Bộ, cơ quan trung ương được xây dựng trên nguyên tắc cơ bản kế thừa giai đoạn trước, bao gồm định mức phân bổ lĩnh vực chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể và định mức phân bổ đối với các lĩnh vực sự nghiệp.

Với nguyên tắc như trên, căn cứ đánh giá thực hiện định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên năm 2022 theo Nghị quyết số 01/2021/UBTVQ15 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và xuất phát từ thực tiễn công tác quản lý, Bộ Tài chính thấy rằng việc xây dựng nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi thường xuyên năm 2026 của các Bộ, cơ quan Trung ương chủ yếu tập trung nghiên cứu, đề xuất điều chỉnh tăng một phần định mức phân bổ chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể để đảm bảo cho các Bộ, cơ quan Trung ương cân đối kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên. Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi các lĩnh vực sự nghiệp tiếp tục kế thừa như năm 2022 (lĩnh vực an ninh quốc phòng; các lĩnh vực sự nghiệp còn lại).

2. Đối với các địa phương:

- Tiếp tục quy định định mức phân bổ đối với 13 lĩnh vực chi theo quy định của Luật NSNN; cơ bản lĩnh vực chi xác định theo tiêu chí chính là dân số; sửa đổi một số tiêu chí bổ sung để phù hợp với các nhiệm vụ chi ở từng lĩnh vực.

- Đảm bảo toàn bộ nhu cầu kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách do Trung ương ban hành đến thời điểm UBTVQH ban hành Nghị quyết này và đảm bảo đủ mức tiền lương cơ sở 2,34 triệu đồng/tháng, tiền thưởng.

- Định mức chi để xác định tổng chi thường xuyên, trong đó chi tiết sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề, sự nghiệp khoa học và công nghệ để Quốc hội quyết định; các địa phương căn cứ vào tổng mức chi thường xuyên này để xây dựng định mức phân bổ chi thường xuyên NSDP cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

- Trường hợp dự toán chi thường xuyên của lĩnh vực giáo dục đào tạo và dạy nghề, khoa học và công nghệ và dự toán chi thường xuyên các lĩnh vực còn lại được tính theo định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN trong phạm vi quy định tại điểm b khoản này thấp hơn dự toán năm 2025 đã được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ giao sẽ được hỗ trợ để không thấp hơn.

III. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH:

1. Việc đánh giá tác động của định mức phân bổ chi thường xuyên năm 2026 của các Bộ, cơ quan trung ương chủ yếu dựa trên các yếu tố sau:

1.1. Về việc điều chỉnh định mức phân bổ chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể:

1.1.1. *Xác định vấn đề bất cập:*

Định mức phân bổ chi thường xuyên lĩnh vực chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể tại Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 của Ủy ban thường vụ Quốc hội được xây dựng trên nền tiền lương cơ sở 1,49 triệu đồng/tháng, đến nay, tiền lương cơ sở đã được điều chỉnh lên mức 2,34 triệu đồng/tháng (tăng 57%); một số chế độ chi tiêu được điều chỉnh tăng (như chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo, công tác phí,...) và tăng giá nhiều mặt hàng. Trong khi đó, định mức phân bổ chi thường xuyên chưa được điều chỉnh tăng dẫn đến khó khăn cho các Bộ, cơ quan trung ương trong việc cân đối kinh phí đảm bảo hoạt động thường xuyên. Vì vậy, việc xem xét, điều chỉnh một phần định mức chi thường xuyên để phù hợp với tình hình thực tế là cần thiết.

1.1.2. *Mục tiêu giải quyết vấn đề:* Điều chỉnh tăng một phần định mức chi thường xuyên của các Bộ, cơ quan trung ương để phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối NSNN.

1.1.3. *Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề:*

a) Giải pháp 1: Thực hiện theo mức phân bổ quy định tại Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

b) Giải pháp 2: Điều chỉnh tăng một phần định mức phân bổ chi thường xuyên để hỗ trợ các Bộ, cơ quan Trung ương đảm bảo kinh phí hoạt động bộ máy do tác động của yếu tố giá cả và kinh phí chi trả tiền lương, tiền công thực hiện các hợp đồng lao động, hợp đồng cung cấp dịch vụ theo Nghị quyết 27-NQ/TW.

1.1.4. *Đánh giá tác động của giải pháp:*

1.1.4.1. Giải pháp 1:

a) Tích cực: Không phát sinh nhu cầu tăng chi theo định mức.

b) Hạn chế: Không phù hợp với tình hình thực tế. Nếu tiếp tục thực hiện sẽ không giải quyết được vấn đề khó khăn của các Bộ, cơ quan Trung ương, khó đảm bảo hoạt động thường xuyên của các cơ quan.

1.1.4.2. Giải pháp 2:

a) Tích cực: Hỗ trợ tháo gỡ một phần khó khăn cho các Bộ, cơ quan trung ương trong việc cân đối kinh phí đảm bảo hoạt động thường xuyên, thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

b) Hạn chế: Phát sinh nhu cầu tăng chi NSNN. Với phương án điều chỉnh như trên, dự kiến NSNN cần bố trí tăng thêm khoảng 3,5 nghìn tỷ đồng, tương ứng khoảng 5% so với tổng dự toán lĩnh vực chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể của NSTW năm 2025. Tuy nhiên, nếu tính đến yếu tố thực hiện kế hoạch sắp xếp, tinh gọn bộ máy², thì cơ bản sẽ tác động không nhiều tới tổng dự toán lĩnh vực chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể của NSTW các năm tiếp theo.

1.1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Từ việc đánh giá các tác động tích cực, hạn chế của từng giải pháp, Bộ Tài chính trình Chính phủ lựa chọn giải pháp 2.

1.2. Đối với các lĩnh vực sự nghiệp

1.2.1. Xác định vấn đề bất cập:

Phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 cho các lĩnh vực sự nghiệp căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, định hướng đổi mới khu vực sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, các quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và các quy định của pháp luật về việc giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công.

Phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2026 cho các lĩnh vực sự nghiệp tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 và các quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, về việc giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công; vì vậy sẽ không có tác động tăng chi NSNN.

2. Việc đánh giá tác động của định mức phân bổ chi thường xuyên năm 2026 của địa phương chủ yếu dựa trên các yếu tố sau:

2.1. Nhóm tiêu chí phân bổ theo dân số:

2.1.1. Xác định vấn đề bất cập:

Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số quy định tại Nghị quyết số 01 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ chi

² Giảm tối thiểu 15%-20% đầu mỗi tổ chức bên trong (trừ Bộ Công an, Bộ Quốc phòng thực hiện theo quyết định của Bộ Chính trị); Sắp xếp tổ chức bộ máy gắn với giảm biên chế cán bộ, công chức, viên chức và cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

thường xuyên NSNN năm 2022 đảm bảo tiền lương cơ sở mức 1.490.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, đến nay tiền lương cơ sở đã được điều chỉnh lên mức 2,34 triệu đồng/tháng (tăng 57%); một số chế độ chi tiêu được điều chỉnh tăng (như chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo, công tác phí,...) và yếu tố tăng giá do đó, cần xem xét, điều chỉnh tiêu chí phân bổ cho phù hợp.

2.1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề: xem xét nâng định mức phân bổ theo dân số phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế và chỉ số giá,... trên tinh thần tiết kiệm chi thường xuyên.

2.1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề:

a) Giải pháp 1: Thực hiện theo định mức phân bổ năm 2022 quy định tại Nghị quyết số 01 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

b) Giải pháp 2: Nâng định mức phân bổ theo tiêu chí dân số 1,35 lần so với định mức phân bổ năm 2022.

2.1.4. Đánh giá tác động của giải pháp:

2.1.4.1. Giải pháp 1:

(1) Tác động về kinh tế:

a) Tích cực: Không phát sinh thêm nhu cầu tăng chi.

b) Hạn chế: Không phù hợp với thực tế, các địa phương rất khó khăn trong việc đảm bảo nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ phát triển KT – XH, đảm bảo an ninh quốc phòng trên địa bàn.

(2) Tác động về xã hội:

a) Tích cực: Không có.

b) Hạn chế: Không đảm bảo nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ.

(3) Tác động đối với quốc phòng, an ninh:

a) Tích cực: Không có

b) Hạn chế: Không đảm bảo nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ.

(4) Tác động về giới: Cơ chế, chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và việc thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

(5) Tác động về thủ tục hành chính: Chính sách không tạo ra thủ tục hành chính.

(6) Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không có.

2.1.4.2. Giải pháp 2:

(1) Tác động về kinh tế: Đáp ứng cơ bản nguồn lực cho các địa phương phát triển KT – XH, đảm bảo an ninh quốc phòng trên địa bàn.

(2) Tác động về xã hội: Tăng cường công khai, minh bạch; ưu tiên nguồn lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số nên tạo được sự đồng thuận trong xã hội.

b) Hạn chế: Định mức phân bổ thấp hơn nhu cầu đề xuất của một số địa phương.

(3) Tác động đối với quốc phòng, an ninh:

a) Tích cực: Đảm bảo kinh phí thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong thời kỳ mới.

b) Hạn chế: Không có

(4) Tác động về giới

Cơ chế, chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và việc thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

(5) Tác động về thủ tục hành chính: Chính sách không tạo ra thủ tục hành chính.

(6) Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không có.

2.1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn:

Lựa chọn giải pháp 2, thẩm quyền ban hành chính sách là Ủy ban thường vụ Quốc hội và Thủ tướng Chính phủ.

2.2. Nhóm chính sách phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

2.2.1. Xác định vấn đề bất cập:

Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung quy định tại Nghị quyết số 01 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ chi thường xuyên NSNN năm 2022 áp dụng cho năm đầu thời kỳ 2022-2026. Tuy nhiên, đến nay tiền lương cơ sở đã được điều chỉnh lên mức 2,34 triệu đồng/tháng (tăng 57%); một số chế độ chi tiêu được điều chỉnh tăng (như chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo, công tác phí,...) và yếu tố tăng giá do đó, cần xem xét, điều chỉnh tiêu chí phân bổ cho phù hợp.

2.2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề: xem xét nâng định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung cho phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế và chỉ số giá,... trên tinh thần triệt để tiết kiệm chi thường xuyên.

2.2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề:

a) Giải pháp 1: Thực hiện theo định mức phân bổ năm 2022 quy định tại Nghị quyết số 01 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

b) Giải pháp 2: Nâng định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung khoảng 1,1 lần so với định mức phân bổ năm 2022.

2.2.4. Đánh giá tác động của giải pháp:

2.2.4.1. Giải pháp 1:

(1) Tác động về kinh tế:

a) Tích cực: Không phát sinh thêm nhu cầu tăng chi.

b) Hạn chế: Không phù hợp với thực tế, các địa phương rất khó khăn trong việc đảm bảo nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ phát triển KT –XH, đảm bảo an ninh quốc phòng trên địa bàn.

(2) Tác động về xã hội:

a) Tích cực: Không có.

b) Hạn chế: Không đảm bảo nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ.

(3) Tác động đối với quốc phòng, an ninh:

a) Tích cực: Không có

b) Hạn chế: Không đảm bảo nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ.

(4) Tác động về giới: Cơ chế, chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và việc thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

(5) Tác động về thủ tục hành chính: Chính sách không tạo ra thủ tục hành chính.

(6) Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không có.

2.2.4.2. Giải pháp 2:

(1) Tác động về kinh tế: Đáp ứng cơ bản nguồn lực cho các địa phương phát triển KT –XH, đảm bảo an ninh quốc phòng trên địa bàn.

(2) Tác động về xã hội: Tăng cường công khai, minh bạch; ưu tiên nguồn lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số nên tạo được sự đồng thuận trong xã hội.

b) Hạn chế: Định mức phân bổ thấp hơn nhu cầu đề xuất của một số địa phương.

(3) Tác động đối với quốc phòng, an ninh:

a) Tích cực: Đảm bảo kinh phí thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong thời kỳ mới.

b) Hạn chế: Không có

(4) Tác động về giới

Cơ chế, chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và việc thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

(5) Tác động về thủ tục hành chính: Chính sách không tạo ra thủ tục hành chính.

(6) Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không có.

2.2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn:

Lựa chọn giải pháp 2, thẩm quyền ban hành chính sách là Ủy ban thường vụ Quốc hội và Thủ tướng Chính phủ.

IV. GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ

Việc thực hiện Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội sẽ chịu sự giám sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Kiểm toán Nhà nước theo quy định của pháp luật.

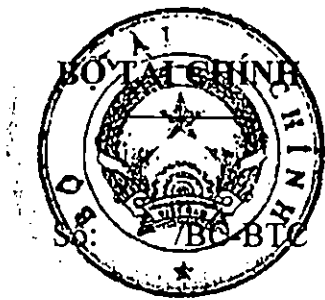
Trên đây là Báo cáo đánh giá tác động dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2026./m/

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/cáo);
- Các Phó TTCP (để b/cáo);
- Bộ trưởng (để b/cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để thẩm định);
- Các Vụ: TCKTN, I, PC;
- Lưu: VT, NSNN (b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Tấn Cận



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO

Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2026

(Phục vụ công tác thẩm định của Bộ Tư pháp)

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020), Bộ Tài chính đã tiến hành rà soát, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2026. Kết quả rà soát như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN RÀ SOÁT

1. Mục đích, yêu cầu rà soát

Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị quyết bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất, đồng bộ của dự thảo Nghị quyết với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan trong hệ thống pháp luật hiện hành.

2. Phạm vi, nội dung, đối tượng rà soát

a) Về phạm vi rà soát: toàn bộ nội dung dự thảo Nghị quyết và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

b) Về nội dung, đối tượng rà soát: đối chiếu toàn bộ quy định tại dự thảo Nghị quyết với hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan, cụ thể như sau:

Chương I: Quy định chung gồm 02 Điều (Điều 1, Điều 2) quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

Chương II: Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2026 gồm 03 Điều (Điều 3, Điều 4, Điều 5): Quy định về nguyên tắc, tiêu chí phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN, quy định về tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho các Bộ, cơ quan trung ương và quy định về tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Chương III: Điều khoản thi hành gồm 03 Điều (Điều 6, Điều 7, Điều 8) quy định về tổ chức thực hiện, hiệu lực thi hành và giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT

1. Kết quả chung

Qua rà soát, ngoài Hiến pháp năm 2013, đã xác định các Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan như sau:

a) Các Luật, nghị quyết của Quốc hội có liên quan:

- Luật Ngân sách nhà nước.
- Luật Tổ chức Chính phủ;
- Luật Tổ chức chính quyền địa phương;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024
- Luật Khoa học và công nghệ.
- Luật Bảo hiểm y tế.
- Luật Bảo hiểm xã hội.
- Luật Bảo vệ môi trường.
- Luật Đầu tư công.
- Luật Lâm nghiệp.
- Luật Thủ đô.
- Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hồ Chí Minh.
- Nghị quyết số 35/2021/QH15 của Quốc hội ngày 13 tháng 11 năm 2021 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng.
- Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách tài chính đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng.
- Nghị quyết số 189/2025/QH15 ngày 29/2/2025, Quốc hội đã thông qua về một số cơ chế, chính sách đặc biệt đầu tư xây dựng Dự án điện hạt nhân Ninh Thuận,

b) Các Nghị định có liên quan:

- Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

- Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 – 2025 ; Nghị định số 30/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 – 2025.

- Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

- Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về chính sách phát triển giáo dục mầm non.

- Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 04 năm 2012 của Chính phủ hướng dẫn một số điều của Luật người khuyết tật.

- Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn.

- Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập

- Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

- Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

2. Kết quả cụ thể:

2.1. Về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Dự thảo Nghị quyết được xây dựng trên cơ sở quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng theo đúng quy định của Luật NSNN. Trong đó

- Phạm vi điều chỉnh và quy định về nguyên tắc, tiêu chí phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2026.

- Về đối tượng áp dụng: các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở Trung ương (bao gồm cả các cơ quan, đơn vị hành chính nhà nước của trung ương có cơ chế tài chính, thu nhập đặc thù), các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập, phân bổ, chấp hành dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước.

2.2. Về các quy định về nguyên tắc, tiêu chí phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2026

2.2.1 Đối với các Bộ cơ quan trung ương:

2.2.1.1. Lĩnh vực chi quản lý hành chính:

Tiếp tục quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ chi QLNN các bộ, cơ quan trung ương gồm 03 nhóm¹: (1) Quỹ lương; (2) định mức theo biên chế; (3) đặc thù ngoài định mức, gồm đặc thù chung và đặc thù riêng.

2.2.1.2. Phân bổ dự toán chi các lĩnh vực còn lại:

a) Lĩnh vực chi quốc phòng, an ninh:

Lĩnh vực an ninh, quốc phòng có đặc thù riêng (theo quy định của Luật NSNN, Nghị định số 165/2016/NĐ-CP và Nghị định số 01/2020/NĐ-CP); thực tiễn hằng năm, ngoài quỹ lương, các nhiệm vụ phát sinh hằng năm lớn, khó xác định được tại năm đầu thời kỳ ổn định. Vì vậy, tiếp tục kế thừa quy định tại Nghị quyết số 01 quy định “*Căn cứ nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh, nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ đối với con người và nhiệm vụ đặc thù để ưu tiên bố trí chi thường xuyên ngân sách trung ương hằng năm*”.

b) Các lĩnh vực sự nghiệp còn lại:

Phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN cho các ĐVSNCCL tiếp tục tuân thủ theo các mục tiêu của Nghị quyết số 19-NQ/TW cho giai đoạn 2026 - 2030 và kế thừa các nội dung tại Nghị quyết số 01, cơ chế tài chính hiện hành của các ĐVSNCCL.

2.2.2. Đối với các địa phương:

- Tiếp tục quy định định mức phân bổ đối với 13 lĩnh vực chi theo quy định của Luật NSNN; cơ bản lĩnh vực chi xác định theo tiêu chí chính là dân số; sửa đổi một số tiêu chí bổ sung để phù hợp với các nhiệm vụ chi ở từng lĩnh vực.

¹ Căn cứ số biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao trên cơ sở vị trí việc làm và cơ cấu công chức phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và khối lượng công việc của từng Bộ, cơ quan trung ương. Ngoài dự toán chi thường xuyên được phân bổ theo số biên chế, các Bộ, cơ quan trung ương được phân bổ kinh phí để bảo đảm chi tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương theo quy định, kinh phí để bảo đảm nhiệm vụ đặc thù cụ thể của từng Bộ, cơ quan trung ương.

- Đảm bảo toàn bộ nhu cầu kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách do Trung ương ban hành đến thời điểm UBTVQH ban hành Nghị quyết này và đảm bảo đủ mức tiền lương cơ sở 2,34 triệu đồng/tháng, tiền thưởng.

- Định mức chi để xác định tổng chi thường xuyên, trong đó chi tiết sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề, sự nghiệp khoa học và công nghệ để Quốc hội quyết định; các địa phương căn cứ vào tổng mức chi thường xuyên này để xây dựng định mức phân bổ chi thường xuyên NSDP cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

- Dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương tính theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ năm 2026 trường hợp thấp hơn dự toán năm 2025 đã được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ giao sẽ được hỗ trợ để không thấp hơn.

2.3. Về điều khoản thi hành:

Các nội dung được quy định đảm bảo không có mâu thuẫn với hệ thống pháp luật hiện hành, bao gồm cả Luật NSNN, Luật KH&CN và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Dự thảo Nghị quyết quy định cụ thể về thời điểm có hiệu lực thi hành và trách nhiệm thi hành phù hợp với Hiến pháp năm 2013, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và các Luật khác có liên quan, chưa phát sinh tình huống, trường hợp cần có quy định chuyển tiếp do các quy định tại Nghị quyết này áp dụng cho giai đoạn 2026-2030.

Trên đây là Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc ban hành nguyên tắc, tiêu chí phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2026./*ph*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/cáo);
- Các Phó TTCP (để b/cáo);
- Bộ trưởng (để b/cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để thẩm định);
- Các Vụ: TCKTN, I, PC;
- Lưu: VT, NSNN (b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Tấn Cận



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO TỔNG HỢP

**tiếp thu, giải trình ý kiến của các Bộ, cơ quan trung ương
và các địa phương về xây dựng nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ
chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2026**

(Phục vụ công tác thẩm định của Bộ Tư pháp)

Thực hiện Luật NSNN: Khoản 5 Điều 20 (nhiệm vụ, quyền hạn của UBTVQH): *Quyết định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ NSNN*; khoản 11 Điều 25 (nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ): *Xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách trình UBTVQH quyết định làm căn cứ xây dựng dự toán, phân bổ ngân sách cho các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở trung ương và các địa phương*; khoản 2 Điều 26 (nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tài chính): *Xây dựng nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi thường xuyên của NSNN,...trình Chính phủ quy định hoặc quy định theo phân cấp của Chính phủ để thi hành thống nhất trong cả nước*. Nghị quyết số 974/2020/UBTVQH14 ngày 13/7/2020 của Ủy ban thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 343/2017/UBTVQH14: Khoản 1 Điều 11: *Chính phủ xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ NSNN (bao gồm chi ĐTPT vốn NSNN và chi thường xuyên) đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, các tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương; trình UBTVQH trước ngày 30 tháng 6 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn và kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia giai đoạn trước*. Văn bản số 1086/UBTVQH15 ngày 26/11/2024 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về lùi thời hạn xây dựng định mức chi thường xuyên 2026 và các văn bản hướng dẫn, Bộ Tài chính xây dựng trình Chính phủ báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách (giai đoạn tới bắt đầu từ năm 2026), trên cơ sở đó trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2026 làm căn cứ để xây dựng dự toán, phân bổ ngân sách cho các Bộ, địa phương thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2026-2030, tăng cường hiệu quả quản lý, nâng cao tính minh bạch trong phân bổ, sử dụng nguồn vốn chi thường xuyên NSNN là có căn cứ pháp lý.



Thực hiện các quy định nêu trên, Bộ Tài chính đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức đánh giá hệ thống định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 theo Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01/09/2021 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về nguyên tắc, tiêu chí phân bổ định mức dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2022. Trên cơ sở đó, Bộ Tài chính đã có Công văn số 2095, 2096/BTC-NSNN ngày 20/3/2025 xin ý kiến các Bộ, cơ quan Trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ chi thường xuyên NSNN năm 2026. Đến nay, Bộ Tài chính nhận được ý kiến tham gia của 42/72 Bộ, cơ quan trung ương và 44/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Trên cơ sở tổng hợp ý kiến của các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương bằng văn bản; Bộ Tài chính tiếp thu và giải trình như sau:

A. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN, ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

Các Bộ, cơ quan Trung ương và các địa phương nhất trí về sự cần thiết ban hành văn bản, đối tượng và phạm vi điều chỉnh nêu trong dự thảo Báo cáo và dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

B. ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ CHI THƯỜNG XUYỀN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

I. Đánh giá chung:

Các Bộ, cơ quan Trung ương và các địa phương nhất trí với dự thảo Báo cáo đánh giá hệ thống định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 của Bộ Tài chính.

II. Đánh giá kết quả thực hiện hệ thống định mức phân bổ chi thường xuyên NSNN theo Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15

1. Về kết quả thực hiện định mức phân bổ chi thường xuyên NSNN theo Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 đối với các Bộ, cơ quan Trung ương:

Các Bộ, cơ quan Trung ương cơ bản nhất trí với đánh giá về kết quả đạt được cũng như một số tồn tại theo dự thảo Báo cáo đánh giá nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 của Bộ Tài chính.

2. Về kết quả thực hiện định mức phân bổ chi thường xuyên NSNN theo Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

Các địa phương cơ bản nhất trí báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2022. Hệ thống định mức phân bổ chi thường xuyên NSNN theo Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 là căn cứ quan trọng, chủ yếu để xây dựng dự toán chi thường xuyên năm 2022 (năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách); là căn cứ để cấp có thẩm quyền quyết định số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương theo quy định của Luật NSNN. Phân bổ ngân sách theo Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 cơ bản đảm bảo khả năng cân đối NSNN, NSTW và ngân sách từng địa phương; định mức phân bổ NSNN cơ bản theo tiêu chí dân số đã góp phần thúc đẩy tinh giản biên chế, đẩy mạnh xã hội hóa, cải cách thủ tục hành chính trong xây dựng, quản lý NSNN.

C. HỆ THỐNG ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ CHI THƯỜNG XUYỀN NSNN ĐỐI VỚI CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG NĂM 2026

I. Về yêu cầu và nguyên tắc xây dựng hệ thống định mức phân bổ chi thường xuyên của NSNN:

Hầu hết các Bộ, cơ quan, trung ương và các địa phương nhất trí với yêu cầu và nguyên tắc xây dựng hệ thống định mức phân bổ chi NSNN theo dự thảo của Bộ Tài chính. Ngoài ra, có ý kiến đề nghị quy định nguyên tắc xác định chi thường xuyên sự nghiệp giáo dục đào tạo, KH&CN và các sự nghiệp còn lại tính theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ năm 2026 đảm bảo không thấp hơn so với dự toán năm 2025.

Trong thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025, nhiều chính sách ASXH do trung ương ban hành yêu cầu các địa phương phải đảm bảo một phần hoặc toàn bộ kinh phí thực hiện. Để các địa phương đảm bảo đủ nguồn lực để thực hiện các chính sách do Trung ương ban hành và đảm bảo nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ phát triển KT-XH, các nhiệm vụ quan trọng của địa phương (giáo dục và đào tạo, KH&CN), tiếp thu ý kiến của các địa phương quy định nguyên tắc *“Tổng dự toán chi thường xuyên của lĩnh vực giáo dục đào tạo và dạy nghề, khoa học và công nghệ và tổng dự toán chi thường xuyên các lĩnh vực còn lại được tính theo định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước đảm bảo không thấp hơn dự toán chi năm 2025 Quốc hội quyết định”*.

II. Về hệ thống định mức phân bổ chi thường xuyên của NSNN năm 2026 đối với các Bộ, cơ quan trung ương:

1. Đối với định mức phân bổ chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể:

Các ý kiến tham gia về các nguyên tắc, tiêu chí, định mức:

- Phần lớn ý kiến đều cho rằng việc áp dụng nguyên tắc, tiêu chí, định mức cơ bản tiếp tục theo các giai đoạn ổn định trước là phù hợp; đồng ý với đề xuất áp dụng định mức 83 triệu đồng/biên chế đối với khối các cơ quan, đơn vị hành chính nhà nước có cơ cấu tổ chức theo ngành dọc (Bộ Tài chính);

- Có ý kiến cho rằng Áp dụng định mức chung đối với khối các cơ quan Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, Kiểm toán nhà nước, Thanh tra Chính phủ là 97 triệu đồng/biên chế là thấp và đề xuất mức là 125 triệu đồng/biên chế (ý kiến của Thanh tra Chính phủ), hoặc Viện Kiểm sát nhân dân tối cao đề xuất mức là 120 triệu đồng/biên chế.

Trong bối cảnh cân đối NSNN năm 2026 và các năm tiếp theo còn khó khăn, phải dành nguồn thực hiện nhiều chế độ chính sách, nhiệm vụ lớn như cải cách chính sách tiền lương và bảo hiểm xã hội; phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; xây dựng tuyến đường sắt tốc độ cao;...nên việc đề xuất định mức phân bổ năm 2026 tăng bình quân khoảng 35% so với định mức năm 2022 tại Nghị quyết 01 là phù hợp, trong đó, cũng đã điều chỉnh tăng một phần để hỗ trợ các Bộ, cơ quan trung ương cân đối kinh phí đảm bảo hoạt động; đặc biệt là kinh phí chi cho các hợp đồng lao động theo quy định.

Ngoài ra, một số Bộ, cơ quan trung ương có ý kiến đề nghị điều chỉnh, bổ sung, làm rõ hơn các nhiệm vụ chi đã bao gồm/chưa bao gồm trong phạm vi định mức tính theo biên chế; ví dụ: Bỏ một số nội dung chi ra ngoài định mức (chi tiền lương, tiền công lao động hợp đồng, dịch vụ; chi xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; chi mua sắm, thay thế trang thiết bị, phương tiện làm việc của cán bộ, công chức; chi đoàn ra, đoàn vào phục vụ đàm phán theo yêu cầu của Chính phủ;...); bổ sung một số nhiệm vụ đặc thù riêng biệt của nhóm cơ quan, đơn vị trước đây được áp dụng cơ chế tài chính, thu nhập đặc thù (các nhiệm vụ của ngành, lĩnh vực),...

Bộ Tài chính giải trình, tiếp thu, điều chỉnh trực tiếp trong dự thảo.

2. Đối với tiêu chí, định mức phân bổ các lĩnh vực sự nghiệp và phân bổ chi quốc phòng, an ninh: Các Bộ, cơ quan trung ương cơ bản không có ý kiến tham gia với dự thảo; một số Bộ, cơ quan trung ương (Kiểm toán Nhà nước, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao) có ý kiến việc giảm bình quân 15% chi trực tiếp từ NSNN so với giai đoạn trước đối với các ĐVSNCL do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên sẽ rất khó khăn cho các đơn vị, đặc biệt đối với các đơn vị thực hiện nhiệm vụ chính trị về đào tạo bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học,...

Bộ Tài chính tiếp thu các ý kiến này và hoàn chỉnh trong dự thảo.

III. Về hệ thống định mức phân bổ chi thường xuyên của NSNN năm 2026 đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

Cơ bản các địa phương đều nhất trí với dự thảo hệ thống định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên của NSNN năm 2026 do Bộ Tài chính xây dựng. Về ý kiến tham gia cụ thể:

(i) Các địa phương đề nghị nâng định mức tính theo đầu dân số của các lĩnh vực chi thường xuyên cao hơn dự thảo (dự thảo xin ý kiến địa phương tăng bình quân chung khoảng 1,23 lần; riêng lĩnh vực quốc phòng, an ninh tăng 1,33 lần so với Nghị quyết số 01). Trên cơ sở kiến nghị của các địa phương, cập nhật một số chủ trương mới của Đảng và Nhà nước (không thu học phí các cấp học từ mầm non đến trung học phổ thông ở các trường công lập theo kết luận của Bộ Chính trị; chủ trương sắp xếp tổ chức bộ máy theo kết luận số 126,127 của Bộ Chính trị) và trên cơ sở cân đối của NSNN, Bộ Tài chính tiếp thu theo đó định mức phân bổ theo tiêu chí dân số tăng 35% so với định mức năm 2022 để bù đắp nhu cầu tăng các chế độ chi, trượt giá,...và quán triệt tinh thần triệt để tiết kiệm chi thường xuyên. Riêng 02 lĩnh vực quốc phòng, an ninh mức tăng 45% so với định mức năm 2022 để đảm bảo nguồn lực chi an ninh, quốc phòng.

(ii) Một số ý kiến tham gia sửa đổi, bổ sung một số tiêu chí tính định mức cụ thể như sau:

*** Về tiêu chí dân số**

(1) Có ý kiến đề nghị xác định thêm dân số từ các vùng lân cận làm việc, tạm cư tại thành phố

Dự thảo đã quy định dân số được căn cứ vào số liệu dân số bình quân từng tỉnh do Tổng cục Thống kê cung cấp (đã tính dân số tạm trú từ 6 tháng trở lên), đã phù hợp với kiến nghị của các địa phương. Vì vậy, Bộ Tài chính kiến nghị giữ như dự thảo.

(2) Có ý kiến đề nghị tiêu chí dân số để tính định mức có điều chỉnh hệ số tăng thêm hàng năm trong thời kỳ ổn định ngân sách.

Dự thảo đã quy định tiêu chí dân số để tính định mức phân bổ năm 2026 của các địa phương là dân số bình quân dự kiến của năm 2025. Việc quy định này trên cơ sở kế thừa hệ thống định mức phân bổ ngân sách các giai đoạn trước đây. Trên cơ sở dự toán chi ngân sách địa phương (bao gồm cả chi đầu tư, thường xuyên) tính theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán do Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các quy định của pháp luật về thu ngân sách là cơ sở để xác định số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách trung ương và ngân sách

địa phương theo quy định của Luật NSNN áp dụng cho năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách. Theo quy định của Luật NSNN, các năm tiếp theo trong giai đoạn 2026-2030 dự toán chi NSDP (trong đó có dự toán chi thường xuyên) được xác định căn cứ vào khả năng thu NSDP được hưởng theo phân cấp và số bổ sung cân đối từ NSTW (nếu có). Vì vậy, Bộ Tài chính kiến nghị giữ như dự thảo.

*** Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục:**

(1) Có ý kiến đề nghị quy định tỷ lệ chi hoạt động của lĩnh vực giáo dục bằng hoặc cao hơn định mức năm 2022

Dự thảo đã quy định tỷ lệ chi khác (ngoài quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương) của lĩnh vực giáo dục so với tổng chi giáo dục là 18%¹ (giảm 1% so với định mức năm 2022) do quy đổi tốc độ tăng tiền lương, chi hoạt động của năm 2025 so với năm 2022. Ngoài ra, lĩnh vực chi giáo dục đã được quy định nguyên tắc xử lý “*dự toán chi thường xuyên chi lĩnh vực giáo dục đào tạo năm 2026 tính theo nguyên tắc, tiêu chí định mức phân bổ đảm bảo không thấp hơn năm 2025 đã được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ giao*” nên các địa phương đã đảm bảo nguồn chi lĩnh vực này. Vì vậy, Bộ Tài chính kiến nghị giữ như dự thảo.

(2) Có ý kiến đề nghị phân bổ theo tiêu chí học sinh và theo các định mức kinh tế kỹ thuật

Kế thừa định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên các giai đoạn trước đây, định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục được xác định theo các tiêu chí phân bổ theo dân số theo độ tuổi đến trường (từ 1-18 tuổi), về bản chất cũng là tính theo tiêu chí học sinh; đồng thời đã có các quy định tỷ lệ chi hoạt động của ngành giáo dục so với tổng chi lĩnh vực giáo dục.

Riêng về ý kiến phân bổ theo định mức kinh tế kỹ thuật: Hiện nay nhiều định mức kinh tế kỹ thuật chưa được ban hành. Ngoài ra, theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị định số 32/2019/NĐ-CP của Chính phủ về đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ công sử dụng NSNN từ nguồn kinh phí chi thường xuyên, các Bộ, cơ quan trung ương, từng địa phương được ban hành các định mức kinh tế kỹ thuật theo thẩm quyền nên không thể căn cứ định mức kinh tế kỹ thuật của từng địa phương để xây dựng tiêu chí phân bổ ngân sách áp dụng chung cho các địa phương. Vì vậy, Bộ Tài chính kiến nghị giữ như dự thảo.

(3) Có ý kiến đề nghị có tiêu chí bổ sung thực hiện một số chính sách giáo dục như: Chế độ đối với nhà giáo giảng dạy người khuyết tật theo quy định tại

¹ Địa phương có tỷ lệ dân số vùng ĐBK và vùng khó khăn cao hơn mức bình quân chung là 19%

Nghị định số 28/2012/NĐ-CP; kinh phí thực hiện đổi mới chương trình sách giáo khoa; kinh phí nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; chính sách ưu tiên đối với học sinh mẫu giáo, học sinh dân tộc rất ít người theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017; Chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Chính sách hỗ trợ học sinh là người dân tộc thiểu số tại các trường Dân tộc nội trú theo Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ; kinh phí nâng chuẩn giáo viên; đối tượng giáo viên hợp đồng theo Nghị định số 111/202/NĐ-CP;...

Theo các quy định pháp luật hiện hành, kinh phí thực hiện các chế độ chính sách nêu trên đều do ngân sách địa phương đảm bảo. Định mức phân bổ lĩnh vực chi sự nghiệp giáo dục năm 2026 được xác định theo tiêu chí dân số (đã tăng 35% so với định mức năm 2022), quy định tỷ lệ chi khác đối với sự nghiệp giáo dục là 18%, đồng thời đã quy định nguyên tắc đảm bảo dự toán chi sự nghiệp giáo dục năm 2026 tính theo định mức không thấp hơn dự toán năm 2025. Như vậy, đã đảm bảo đủ nguồn cho các địa phương thực hiện các chế độ chính sách nêu trên. Vì vậy, Bộ Tài chính kiến nghị giữ như dự thảo.

(4) Có ý kiến đề nghị phạm vi tính định mức bao gồm cả chính sách hỗ trợ hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm theo Nghị định số 60/2025/NĐ-CP ngày 03/3/2025.

Ngày 3/3/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 60/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2020/NĐ-CP về chính sách hỗ trợ học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm. Do chính sách mới được ban hành, hiện nay các địa phương bắt đầu triển khai, tổng hợp đối tượng và kinh phí thực hiện. Vì vậy, phạm vi định mức chưa xác định kinh phí thực hiện chính sách này. Trên cơ sở kết quả thực hiện của các địa phương, NSTW sẽ bổ sung cho các địa phương trong điều hành ngân sách hàng năm theo cơ chế hỗ trợ từ NSTW cho NSDP đã được quy định cụ thể tại khoản 19 Điều 5 dự thảo. Vì vậy, Bộ Tài chính kiến nghị giữ như dự thảo.

*** Định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế:**

(1) Về ý kiến bổ sung tiêu chí hỗ trợ mua thẻ BHYT cho các đối tượng được hỗ trợ BHXH tự nguyện.

Dự thảo định mức quy định: Phân bổ chi sự nghiệp y tế theo tiêu chí dân số và các tiêu chí bổ sung (kinh phí mua thẻ BHYT cho các đối tượng theo quy định của Luật BHYT). Đối tượng tham gia BHXH tự nguyện trường hợp thuộc đối tượng mua thẻ BHYT theo Luật BHYT sẽ thuộc tiêu chí tính định mức nêu

trên; các trường hợp khác nếu tham gia BHYT sẽ phải tự chi trả kinh phí mua thẻ BHYT. Vì vậy, Bộ Tài chính kiến nghị giữ như dự thảo.

(2) Có ý kiến đề nghị bổ sung kinh phí đối với trạm y tế xã

Dự thảo định mức quy định: Phân bổ chi sự nghiệp y tế theo tiêu chí dân số (tăng 35% so với định mức năm 2022) và các tiêu chí bổ sung (kinh phí mua thẻ BHYT cho các đối tượng theo quy định của Luật BHYT). Đồng thời quy định, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên này chỉ để xác định tổng chi thường xuyên, trong đó chi tiết lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề, khoa học và công nghệ để Quốc hội quyết định. Căn cứ khả năng tài chính - ngân sách và đặc điểm tình hình ở địa phương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi ngân sách địa phương đảm bảo phù hợp từng cấp chính quyền địa phương, phù hợp tình hình thực tế của từng lĩnh vực chi và theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Vì vậy, Bộ Tài chính kiến nghị giữ như dự thảo.

*** Định mức phân bổ chi quản lý hành chính:**

(1) Có ý kiến đề nghị tăng tỷ lệ chi tiền lương/chi hoạt động lĩnh vực chi quản lý hành chính:

Dự thảo đã quy định tỷ lệ chi khác (ngoài quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương) của lĩnh vực hành chính so với tổng chi hành chính là 20% (giảm 5% so với định mức năm 2022) do quy đổi tốc độ tăng tiền lương, chi hoạt động của năm 2025 so với năm 2022. Do quy mô các cơ quan đơn vị sau sắp xếp, sáp nhập lớn hơn trước, đồng thời căn cứ khả năng cân đối của NSNN, Bộ Tài chính quy định tỷ lệ chi khác (ngoài quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương) của lĩnh vực hành chính so với tổng chi hành chính là 21%, tăng thêm 1% tỷ lệ chi khác so với dự thảo xin ý kiến địa phương.

(2) Có ý kiến đề nghị tăng tiêu chí phân bổ định mức phân bổ theo tiêu chí dân số đối với số đơn vị hành chính nhỏ hơn 10 đơn vị

Thực hiện Kết luận số 126, 127-KL/TW của Bộ Chính trị, Bộ Tài chính không đề xuất tiêu chí phân bổ cho các đơn vị hành chính cấp huyện.

(3) Có ý kiến đề nghị bổ sung định mức phân bổ đối với chính sách đảng theo quy định tại Quyết định số 99-QĐ/TW;

Phạm vi tính định mức đã quy định cụ thể: Định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương đã bao gồm kinh phí thực hiện các chính sách được ban hành đến thời điểm ngày 30/4/2025, theo đó đã bao gồm kinh phí thực hiện Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30/5/2012 của Ban chấp hành Trung ương về

chế độ chi hoạt động công tác đảng của tổ chức cơ sở đảng, đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở. Vì vậy, Bộ Tài chính kiến nghị giữ như dự thảo.

*** Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa thông tin:**

Có ý kiến đề nghị bổ sung tiêu chí đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp, đội thông tin lưu động, điểm du lịch quốc gia, di sản văn hóa thế giới, di sản quốc gia đặc biệt, di sản văn hóa phi vật thể, di tích lịch sử quốc gia; hỗ trợ đoàn xiếc, đoàn nghệ thuật cải lương

Dự thảo định mức quy định: Phân bổ chi sự nghiệp văn hóa thông tin theo tiêu chí dân số (tăng 35% so với định mức năm 2022) và tiêu chí bổ sung (phân bổ cho các tỉnh, thành phố có di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO công nhận). Đồng thời quy định, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên này chỉ để xác định tổng chi thường xuyên, trong đó chi tiết lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề, khoa học và công nghệ để Quốc hội quyết định. Căn cứ khả năng tài chính - ngân sách và đặc điểm tình hình ở địa phương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi ngân sách địa phương đảm bảo phù hợp từng cấp chính quyền địa phương, phù hợp tình hình thực tế của từng lĩnh vực chi và theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Vì vậy, Bộ Tài chính kiến nghị giữ như dự thảo.

*** Định mức phân bổ chi sự nghiệp phát thanh truyền hình**

Có ý kiến đề nghị bổ sung kinh phí đối với huyện thực hiện phủ sóng phát thanh, truyền hình.

Dự thảo định mức quy định: Phân bổ chi sự nghiệp PTTH theo tiêu chí dân số (tăng 35% so với định mức năm 2022). Đồng thời quy định, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên này chỉ để xác định tổng chi thường xuyên, trong đó chi tiết lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề, khoa học và công nghệ để Quốc hội quyết định. Căn cứ khả năng tài chính - ngân sách và đặc điểm tình hình ở địa phương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi ngân sách địa phương đảm bảo phù hợp từng cấp chính quyền địa phương, phù hợp tình hình thực tế của từng lĩnh vực chi và theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Vì vậy, Bộ Tài chính kiến nghị giữ như dự thảo.

*** Định mức phân bổ chi sự nghiệp thể dục thể thao**

Có ý kiến đề nghị bổ sung tiêu chí phân bổ đối với vận động viên thành tích cao, vận động viên khuyết tật.

Dự thảo định mức quy định: Phân bổ chi sự nghiệp TDTT theo tiêu chí dân số (tăng 35% so với định mức năm 2022). Đồng thời quy định, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên này chỉ để xác định tổng chi thường xuyên, trong đó chi tiết lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề, khoa học và công nghệ để Quốc hội quyết định. Căn cứ khả năng tài chính - ngân sách và đặc điểm tình hình ở địa phương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi ngân sách địa phương đảm bảo phù hợp từng cấp chính quyền địa phương, phù hợp tình hình thực tế của từng lĩnh vực chi và theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Vì vậy, Bộ Tài chính kiến nghị giữ như dự thảo.

*** Định mức phân bổ chi sự nghiệp đảm bảo xã hội**

Có ý kiến đề nghị bổ sung thêm kinh phí tặng quà cho đối tượng hộ nghèo, bảo trợ xã hội; tăng mức hỗ trợ cơ sở bảo trợ xã hội do địa phương quản lý; hỗ trợ cán bộ xã nghỉ việc, hỗ trợ người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.

Dự thảo định mức quy định: Phân bổ chi sự nghiệp ĐBXH theo tiêu chí dân số (tăng 35% so với định mức năm 2022) và các tiêu chí bổ sung (kinh phí thực hiện chế độ trợ cấp xã hội, hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách). Đồng thời quy định, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên này chỉ để xác định tổng chi thường xuyên, trong đó chi tiết lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề, khoa học và công nghệ để Quốc hội quyết định. Căn cứ khả năng tài chính - ngân sách và đặc điểm tình hình ở địa phương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi ngân sách địa phương đảm bảo phù hợp từng cấp chính quyền địa phương, phù hợp tình hình thực tế của từng lĩnh vực chi và theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Vì vậy, Bộ Tài chính kiến nghị giữ như dự thảo.

*** Định mức phân bổ chi quốc phòng**

(1) Có ý kiến đề nghị thực hiện đầy đủ nhiệm vụ hỗ trợ lực lượng an ninh trật tự cơ sở của địa phương; Luật Dân quân tự vệ; lực lượng dân quân cấp xã ven biển.

Luật ANTT ở cơ sở có hiệu lực thi hành từ ngày 1/7/2024, Luật Dân quân tự vệ có hiệu lực thi hành từ năm 2020. Phạm vi tính định mức đã quy định cụ thể: Định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương đã bao gồm kinh phí thực hiện các chính sách được ban hành đến thời điểm ngày 30/4/2025, theo đó đã bao gồm kinh phí thực hiện 02 Luật này. Vì vậy, Bộ Tài chính kiến nghị giữ như dự thảo.